

b?ng th?ng k? t?i ? ? ? ? m?c ph?n l?

TT	T?n ?i?m	to? ? ? vn2000	
		X	Y
1	M1	1700400.84	619993.28
2	M2	1700417.55	619995.42
3	M3	1700414.43	620015.18
4	M4	1700397.92	620013.07
5	M5	1700397.77	620014.05
6	M6	1700414.27	620016.17
7	M7	1700413.26	620022.84
8	M8	1700396.77	620020.83
9	M9	1700395.77	620027.61
10	M10	1700412.51	620028.52
11	M11	1700412.41	620029.54
12	M12	1700411.81	620035.56
13	M13	1700394.89	620033.58

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH KHU ĐẤT

Thuộc tờ bản đồ địa chính số 28 đặc khu Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

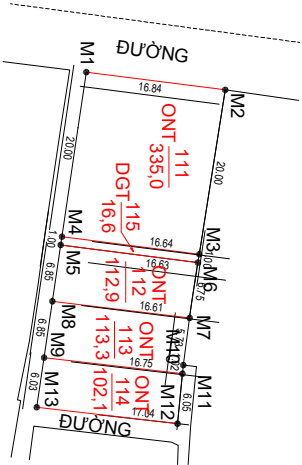
Đề lập thủ tục đầu giá quyền sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp nhật và chỉnh lý hồ sơ địa chính

Công trình: Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 (rút gọn) phân lô đầu giá quyền sử dụng đất

các khu đất số 41 tờ bản đồ số 28 và số 333 tờ bản đồ số 54 đặc khu Lý Sơn

Địa điểm: đặc khu Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

Tổng diện tích: 679,9 m²



- Hệ tọa độ VN-2000, độ cao Nhà nước.
- (Bản đồ được Vắn phòng ĐKĐĐ tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ đặc khu Lý Sơn cung cấp ngày 24/8/2026
- Bản đồ Quy hoạch phân lô chi tiết 1/500 Dự án: Quy hoạch tổng thể mặt bằng tỷ lệ 1/500 (rút gọn) phân lô đầu giá Quyền sử dụng đất - Khu đất số 41 tờ bản đồ số 28 và số 333 tờ bản đồ số 54; Các Vắn bản pháp lý liên quan do chủ đầu tư là Ban quản lý các Dự án Đầu tư Xây dựng đặc khu Lý Sơn cung cấp
- Tờ bản đồ địa chính số 28 được đánh số thừa thêm từ thừa 111 đến thừa 115.
- Tờ bản đồ này được nhân thành 7 bản.

Ghi chú:

CƠ QUAN THỰC HIỆN:		CƠ QUAN KIỂM TRA: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐO ĐẶC ĐỊA CHÍNH VÀ TRẮC ĐỊA CÔNG TRÌNH QUẢNG NAM		UBND ĐẶC KHU LÝ SƠN		CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NGÃI	
Ngày / / 2026	Ngày / / 2026	Ngày / / 2026	Ngày / / 2026	Ngày / / 2026	Ngày / / 2026	Ngày / / 2026	Ngày / / 2026
Người thực hiện	GIÁM ĐỐC	Người kiểm tra	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	CHỦ TỊCH	PHÒNG ĐO ĐẶC BẢN ĐỒ VÀ THÔNG TIN ĐỊA LÝ		

Huỳnh Tấn Hoà		GIÁM ĐỐC		Người kiểm tra		KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC		CHỦ TỊCH		PHÒNG ĐO ĐẠC BÀN ĐỒ VÀ THÔNG TIN ĐỊA LÝ		KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	
Ngày / / 2026													
Người kiểm tra		Trần Đình Tuấn		Huỳnh Ngọc Nguyễn		Bùi Thanh Trúc						Võ Minh Vương	
Nguyễn Văn Phúc													

1700 400			619	900	620	000	620	100	1700 40
1700 300			619	900	620	000	620	100	1700 30